

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN MỸ ĐỨC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 10/2021/HS-ST

Ngày 01-02-2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Mạnh Nhanh.

Ông Nguyễn Đại Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/HSST-QĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T sinh năm 1989 tại Mỹ Đức – Hà Nội; nơi cư trú: Thôn H, xã HS, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T và bà Trịnh Thị T; vợ là Nguyễn Thị M (đã ly hôn), có một con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số: 48/2010/HSST ngày 28/6/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội phạt 12 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản; tại bản án số: 25/2013/HSST ngày 23/4/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội phạt 42 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 57/CAH ngày 30/7/2011, bị Trưởng Công an huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích; tại bản án số: 30/2020/HS-ST ngày 26/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội phạt 42 tháng tù về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/6/2020, chuyển tạm giam từ ngày 24/6/2020 đến nay. Có mặt.

- Người bị hại:

- + Bà Trần Thị Kim T sinh năm 1982 và ông Lê Quý A sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Thôn BT, xã HT, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.
- + Bà Bùi Thị T sinh năm 1962 và ông Trịnh Văn L sinh năm 1960; cùng địa chỉ: Thôn ĐK, xã HS, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
- + Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn H, xã HS, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Quý H sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.
- + Cháu Lê Quỳnh L sinh năm 2003; *người đại diện theo pháp luật:* Bà Trần Thị Kim T sinh năm 1982 và ông Lê Quý Anh sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Thôn BT, xã HT, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.
- *Người làm chứng:* Cháu Lê Quỳnh N sinh năm 2011; *người đại diện theo pháp luật:* Bà Trần Thị Kim T sinh năm 1982 và ông Lê Quý A sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Thôn BT, xã HT, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:*

Sáng ngày 15/6/2020, bà Trần Thị Kim T có đơn trình báo ngữ dậy phát hiện đêm trước đã bị kẻ gian đột nhập trộm 02 chiếc điện thoại, 01 túi sách bên trong có một số giấy tờ cá nhân và 25.000.000 đồng. Đến 15 giờ 30 phút ngày 16/6/2020, Nguyễn Đình T đến Công an huyện Mỹ Đức đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Khoảng 01 giờ sáng ngày 15/6/2020, T đi bộ từ nhà đến thôn BT, xã HT, khi qua nhà bà T thấy đèn còn sáng, cửa tầng hai mở. T nảy sinh ý định trộm cắp, trèo cổng đi vào sân rồi bám cột nhà leo lên vào phòng thứ nhất thấy một người nam giới đang ngủ, trên bàn máy T có để 01 điện thoại di động, T lấy giấu vào túi; đi tiếp sang phòng thứ hai có một phụ nữ đang ngủ cùng hai con gái, Tính lên vào lấy 01 điện thoại di động đang để trên mặt kết sắt và 01 túi sách ở nóc tủ quần áo, sau đó theo cầu thang xuống tầng một tẩu thoát. Ra đến đường T mở túi kiểm tra thấy có tiền và một số giấy tờ nên đã lấy hết số tiền còn chiếc túi cùng giấy tờ bên trong T vứt lại vệ đường. Số tài sản trộm cắp lúc về nhà, T kiểm tra gồm: 6.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A5 màu vàng đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo S1 màu xanh tím, đã qua sử dụng. Bị cáo đã tự nguyện giao nộp 02 điện thoại nêu trên cho Cơ quan điều tra còn số tiền 6.000.000 đồng đã mua ma túy của một người đàn ông không quen biết và sử dụng hết.

Ngày 15/6/2020, Cơ quan điều tra đã truy tìm được vật chứng: 01 túi xách bằng da màu nâu, 01 ví da màu đen, 01 giấy đăng ký xe máy biển kiểm soát 29Y1-418.89 mang tên Lê Quý Anh, 02 thẻ ATM mang tên Trần Thị Kim Tr, 01 thẻ ATM mang tên Lê Quý Anh, 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh nhân dân cùng mang tên Trần Thị Kim Tr; 01 căn cước công dân mang tên Lê Quỳnh Linh.

Ngày 24/6/2020, Cơ quan đã trả lại vật chứng nêu trên cho gia đình bà Trần Thị Kim Tr và vợ chồng bà Tr đề nghị bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định.

Quá trình điều tra làm rõ: Sáng ngày 06/5/2020, Nguyễn Đình T còn trộm cắp tài sản của bà Bùi Thị Tạ và ông Trịnh Văn L tại thôn ĐK, xã HS, huyện Mỹ Đức. Cụ thể: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 06/5/2020, T đi bộ từ nhà đến thôn ĐK, xã HS thấy gia đình bà Tạ không khóa cửa, Tính trèo cổng đi vào, lợi dụng mọi người đang ngủ say, T lục ví đang để trong túi quần của ông Nguyễn Văn L trộm 1.400.000 đồng; 01 điện thoại Nokia màu đen xám đang để trên mặt bàn rồi tẩu thoát. Về nhà, T kiểm tra tài khoản của sim số 038752169 lắp trong điện thoại Nookia 230 thấy trong tài khoản còn 112.000 đồng nên đã chuyển 67.000 đồng sang số thuê bao 0382560003 là điện thoại T đang sử dụng; chuyển 45.000 đồng sang số thuê bao 0393840461 là điện thoại của chị Nguyễn Thị H đang chung sống với Tính, rồi tháo sim 0387521169 vứt đi. Khoảng 8 giờ cùng ngày, T mang điện thoại trộm cắp được đến bán cho bà Nguyễn Quý H ở thôn B, xã H, huyện Ứng Hòa được 100.000 đồng. Số tiền 1.400.000 đồng trộm cắp và tiền bán điện thoại T đã ăn tiêu hết.

Ngày 09/5/2020, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng: 01 điện thoại Nokia 230 màu xám (bà Nguyễn Quý H giao nộp); 02 sim điện thoại Viettel số 0382560003 của Nguyễn Đình T, số 0393840461 của chị Nguyễn Thị H

Căn cứ lệnh thu giữ điện tín số 08 ngày 13/7/2020 của Cơ quan điều tra, ngày 27/7/2020, Tập đoàn viễn thông quân đội đã có Công văn phúc đáp số: 2300/CNVTQĐ-TTKT xác định: Hồi 04 giờ 24.41' đến 04 giờ 28.30' ngày 06/5/2020 từ số thuê bao 0387521169 (của bà Tạ) đã chuyển đến các thuê bao: 84382560003 (của Tính) số tiền 67.000 đồng và số thuê bao 84393840461 (của chị Nguyễn Thị H) số tiền 45.000 đồng. Tổng số tiền tài khoản đã được chuyển đi là 112.000 đồng.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 16/6/2020, Cơ quan điều tra có yêu cầu định giá tài sản số 24. Tại Kết luận số 26/KL-HĐĐG ngày 18/6/2020 về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mỹ Đức kết luận: “01 chiếc điện thoại SAMSUNG A5-2016 màu vàng đồng đã qua sử dụng, giá trị tương đương cùng loại tại thời điểm 2.800.000 đồng; 01 chiếc điện thoại VIVO S1 màu xanh tím đã qua sử dụng, giá trị tương đương cùng loại tại thời điểm 3.600.000 đồng; 01 chiếc túi sách đã qua sử dụng, giá trị tại thời điểm 250.000 đồng; 01 chiếc ví giả da đã qua sử dụng, giá trị 35.000 đồng; tổng giá trị các tài

sản trên là 6.685.000 đồng”. Ngày 24/6/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Đức đã giao trả số tài sản trên cùng các giấy tờ cho người bị hại.

Về số tiền bà Trần Thị Kim Tr khai bị mất trộm 25.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh mà chỉ xác định được bị cáo trộm 6.000.000 đồng. Do đó, tổng giá trị tài sản của gia đình bà Tr bị trộm cắp được xác định là 12.685.000 đồng (tài sản hiện vật là 6.685.000 đồng, tiền mặt là 6.000.000 đồng).

Ngày 11/5/2020, Cơ quan điều tra có yêu cầu định giá tài sản số 18. Tại Kết luận số 21/KL-HĐĐG ngày 11/5/2020 về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mỹ Đức kết luận: “01 chiếc điện thoại NOKIA 230 màu đen xám đã qua sử dụng; màn hình trầy xước, điện thoại trên mua và sử dụng cuối năm 2018; giá trị tại thời điểm còn 500.000 đồng”. Do đó, xác định bị cáo đã trộm cắp tài sản của gia đình bà Tà là 2.012.000 đồng (tiền mặt: 1.400.000 đồng; giá trị điện thoại: 500.000 đồng và giá trị tiền từ sim điện thoại: 112.000 đồng).

Ngày 5/9/2020, Cơ quan điều tra đã giao trả lại tài sản là chiếc điện thoại Nokia 230 cho bà Bùi Thị T. Đối với số tiền và tiền cước phí trong tài khoản điện thoại, bà Tà và ông L không yêu cầu bồi thường.

Đối với chị Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Quý H: Chị H được T chuyển cho số tiền 45.000 đồng vào tài khoản điện thoại song chị không biết về sự việc. Bà Quý mua điện thoại của T nhưng không biết đó là tài sản trộm cắp nên Cơ quan điều tra đều không đề cập xem xét. Về số tiền 100.000 đồng đã mua điện thoại của T, bà H không yêu cầu bồi hoàn.

Đối với việc bị cáo khai đã sử dụng tiền trộm cắp đi mua ma túy, tuy nhiên do không có tài liệu chứng minh trực tiếp nên không đủ căn cứ kết luận.

- Về trích dẫn bản cáo trạng của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số 94/CT-VKS-MĐ ngày 21/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 01 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 01 Điều 173; điểm s khoản 01 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo: Nguyễn Đình T từ 24 đến 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Áp dụng Điều 56 tổng hợp hình phạt chung với bản án số 30/2020/HS-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức theo quy định.

Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại Trần Thị Kim Tr và anh Lê Quý A số tiền là 6.000.000 đồng. Ghi nhận bị hại Bùi Thị T, ông Trịnh Văn L và

những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì về phần dân sự.

+ *Về xử lý vật chứng*: Đề nghị áp dụng Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại đã được niêm phong có chữ ký của bị cáo và chị Nguyễn Thị H liên quan đến tội phạm bảo lưu trong hồ sơ vụ án.

+ *Về số tiền phạm tội mà có*: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: Buộc bị cáo phải nộp sung quỹ nhà nước số tiền 1.512.000 đồng.

+ *Về án phí*: bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về lời nói sau cùng của bị cáo*: bị cáo xin được khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở vững chắc kết luận: Đêm 14 rạng sáng ngày 15/6/2020, Nguyễn Đình T đã lén lút chiếm đoạt của bà Trần Thị Kim Tr, ông Lê Quý Anh: 6.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A5 màu vàng đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo S1 màu xanh tím, 01 túi xách bằng da màu nâu, 01 ví da màu đen (cùng một số giấy tờ cá nhân), tổng trị giá là 12.685.000 đồng. Trước đó, đêm ngày 05 rạng sáng ngày 06/5/2020, Nguyễn Đình T còn lén lút chiếm đoạt của bà Bùi Thị T, ông Trịnh Văn L: 01 điện thoại NOKIA 230 màu đen xám, 1.400.000 đồng và 112.000 đồng từ sim điện thoại, tổng trị giá là 2.012.000 đồng. Tổng trị giá tài sản hai lần bị cáo lén lút chiếm đoạt là 14.697.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên cần thiết phải xử lý nghiêm minh.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo đã hai lần lén lút chiếm đoạt tài sản và mỗi lần giá trị tài sản đều đủ yếu tố định tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 để tăng nặng hình phạt..

Song cũng xét, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chủ động ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 01 và khoản 02 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét bị cáo có nhân thân xấu: Tại bản án số: 48/2010/HSST ngày 28/6/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội phạt 12 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại bản án số: 25/2013/HSST ngày 23/4/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội phạt 42 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 57/CAH ngày 30/7/2011, bị Công an huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích. Tại bản án số: 30/2020/HS-ST ngày 26/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội phạt 42 tháng tù về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Mặt khác, bị cáo hiện là đối tượng nghiện ma túy, phạm tội nhiều lần, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó, để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhất định tương xứng với T chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu đòi bồi thường của người bị hại là có căn cứ nên cần buộc bị cáo phải bồi thường trả cho bà Trần Thị Kim Tr, ông Lê Quý Anh số tiền là 6.000.000 đồng. Ghi nhận bị hại bà Bùi Thị T, ông Trịnh Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì về dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại đã được niêm phong có chữ ký của bị cáo và chị Nguyễn Thị Hải liên quan đến tội phạm hiện bảo lưu trong hồ sơ vụ án.

[8] Về số tiền phạm tội mà có: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên: Buộc bị cáo phải nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.512.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình T** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- *Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 01, khoản 02 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.*

Phạt: Nguyễn Đình T 24 (Hai mươi tư) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt **42** (Bốn mươi hai) tháng tù về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ tại bản án số: 30/2020/HS-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: **66 (Sáu mươi sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bị tạm giữ là ngày 15/6/2020.

2. *Về số tiền phạm tội mà có:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

Buộc bị cáo nộp sung ngân sách nhà nước số tiền là 1.512.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. *Về trách nhiệm dân sự:*

- Ghi nhận bị hại bà Bùi Thị T ông Trịnh Văn L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự.

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường trả bà Trần Thị Kim Tr, ông Lê Quý Anh số tiền là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại đã niêm phong có chữ ký của bị cáo và chị Nguyễn Thị Hải bảo lưu trong hồ sơ vụ án (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức với Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội).

5. *Về án phí:* Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng các Điều 331 và 334 Bộ luật Tố tụng hình sự: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị hại; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

(Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chỉ có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình).

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Công an huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Bị cáo; đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Thắng